



**Phụ lục I**  
**MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG**  
**ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN**  
**CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP  
ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị: đồng

| MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG |                                                                                                                                                                                                                             |                      |                         |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
| STT                                    | Đối tượng                                                                                                                                                                                                                   | Mức trợ cấp, phụ cấp |                         |
|                                        |                                                                                                                                                                                                                             | Trợ cấp              | Phụ cấp                 |
| 1                                      | Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và thân nhân                                                                                                                                                      |                      |                         |
| 1.1                                    | Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:                                                                                                                                                                  |                      |                         |
|                                        | Diện thoát ly                                                                                                                                                                                                               | 3.366.000            | 571.000/01<br>thâm niên |
|                                        | Diện không thoát ly                                                                                                                                                                                                         | 5.714.000            |                         |
| 1.2                                    | Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 chết:                                                                                                                                               |                      |                         |
|                                        | Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng                                                  | 3.012.000            |                         |
|                                        | Vợ hoặc chồng sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng | 2.410.000            |                         |
| 2                                      | Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và thân nhân:                                                                                                                 |                      |                         |
| 2.1                                    | Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945                                                                                                                               | 3.115.000            |                         |
| 2.2                                    | Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 chết:                                                                                                           |                      |                         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|
|     | Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng                                                                                                  | 1.690.000   |           |
|     | Vợ hoặc chồng sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng                                                 | 2.410.000   |           |
| 3   | Thân nhân liệt sĩ:                                                                                                                                                                                                                                                          |             |           |
| 3.1 | Con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                 | 6.024.000   |           |
| 3.2 | Thân nhân của 01 liệt sĩ (trừ quy định tại mục 3.1 Phụ lục này)                                                                                                                                                                                                             | 3.012.000   |           |
| 3.3 | Thân nhân của 02 liệt sĩ (trừ quy định tại mục 3.1 Phụ lục này)                                                                                                                                                                                                             | 6.024.000   |           |
| 3.4 | Thân nhân của 3 liệt sĩ trở lên                                                                                                                                                                                                                                             | 9.036.000   |           |
| 3.5 | Cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ, vợ hoặc chồng liệt sĩ sống cô đơn; con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng mồ côi cả cha mẹ thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng | 2.410.000   |           |
| 3.6 | Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác mà vẫn nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ liệt sĩ khi còn sống hoặc vì hoạt động cách mạng mà không có điều kiện chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ khi còn sống                                           | 3.012.000   |           |
| 4   | Bà mẹ Việt Nam anh hùng                                                                                                                                                                                                                                                     | 9.036.000   | 2.524.000 |
| 5   | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến                                                                                                                                                                                           | 2.524.000   |           |
| 6   | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B và thân nhân                                                                                                                                                                                        |             |           |
| 6.1 | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B:                                                                                                                                                                                                    |             |           |
|     | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh                                                                                                                                                                                                                         | Phụ lục II  |           |
|     | Thương binh loại B                                                                                                                                                                                                                                                          | Phụ lục III |           |
|     | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên                                                                                                                                                           |             | 3.012.000 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|     | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           | 6.024.000 |
| 6.2 | Thân nhân của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên:                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |
|     | Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61 % trở lên chết được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng                                                         | 1.690.000 |           |
|     | Cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng | 2.410.000 |           |
| 7   | Bệnh binh và thân nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |
| 7.1 | Bệnh binh:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% - 50%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3.144.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 51% - 60%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3.917.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4.992.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 71% - 80%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5.755.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% - 90%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6.888.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 91 % - 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7.672.000 |           |
|     | Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           | 1.511.000 |
|     | Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           | 3.012.000 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| 7.2 | Thân nhân của bệnh binh:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |           |
|     | Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng                                                     | 1.690.000 |           |
|     | Cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng | 2.410.000 |           |
| 8   | Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học và thân nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |           |
| 8.1 | Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2.290.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% - 60%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3.825.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 80%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5.361.000 |           |
|     | Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6.867.000 |           |
|     | Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                            |           | 1.511.000 |
|     | Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng                                                                                                                                                                                                                                                  |           | 3.012.000 |
| 8.2 | Thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học:                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |
|     | Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng         | 1.690.000 |           |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|      | Cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng | 2.410.000 |  |
|      | Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1.807.000 |  |
|      | Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3.012.000 |  |
| 9    | Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, dày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.807.000 |  |
| 10   | Người có công giúp đỡ cách mạng:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |  |
| 10.1 | Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945 được hưởng trợ cấp hằng tháng                                                                                                                                                                                                                                         | 3.012.000 |  |
| 10.2 | Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến được hưởng trợ cấp hằng tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.770.000 |  |
| 10.3 | Trường hợp người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945, người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến sống cô đơn thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng                                                                                                            | 2.410.000 |  |
| 11   | Trợ cấp ưu đãi hằng tháng khi theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học:                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 11.1 | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thân nhân liệt sĩ; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, con của bệnh binh, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên | 3.012.000 |  |
| 11.2 | Con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%; con của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 60%; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21 % đến 60%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1.511.000 |  |
| 12   | Trợ cấp người phục vụ:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |  |
| 12.1 | Người phục vụ người có công với cách mạng sống ở gia đình (trừ đối tượng quy định tại mục 12.2 và 12.3 Phụ lục này)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3.012.000 |  |
| 12.2 | Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng sống ở gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3.869.000 |  |
| 12.3 | Người phục vụ bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng sống ở gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3.869.000 |  |



**Phụ lục II**  
**MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI**  
**THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH**  
(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP  
ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp | STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp |
|-----|-------------------------|-------------------|-----|-------------------------|-------------------|
| 1   | 21%                     | 2.028.000         | 21  | 41%                     | 3.960.000         |
| 2   | 22%                     | 2.127.000         | 22  | 42%                     | 4.053.000         |
| 3   | 23%                     | 2.217.000         | 23  | 43%                     | 4.146.000         |
| 4   | 24%                     | 2.316.000         | 24  | 44%                     | 4.249.000         |
| 5   | 25%                     | 2.415.000         | 25  | 45%                     | 4.346.000         |
| 6   | 26%                     | 2.509.000         | 26  | 46%                     | 4.442.000         |
| 7   | 27%                     | 2.604.000         | 27  | 47%                     | 4.536.000         |
| 8   | 28%                     | 2.705.000         | 28  | 48%                     | 4.632.000         |
| 9   | 29%                     | 2.796.000         | 29  | 49%                     | 4.733.000         |
| 10  | 30%                     | 2.898.000         | 30  | 50%                     | 4.827.000         |
| 11  | 31%                     | 2.992.000         | 31  | 51%                     | 4.926.000         |
| 12  | 32%                     | 3.091.000         | 32  | 52%                     | 5.022.000         |
| 13  | 33%                     | 3.186.000         | 33  | 53%                     | 5.115.000         |
| 14  | 34%                     | 3.283.000         | 34  | 54%                     | 5.213.000         |
| 15  | 35%                     | 3.383.000         | 35  | 55%                     | 5.311.000         |
| 16  | 36%                     | 3.474.000         | 36  | 56%                     | 5.410.000         |
| 17  | 37%                     | 3.568.000         | 37  | 57%                     | 5.500.000         |
| 18  | 38%                     | 3.671.000         | 38  | 58%                     | 5.600.000         |
| 19  | 39%                     | 3.768.000         | 39  | 59%                     | 5.699.000         |
| 20  | 40%                     | 3.862.000         | 40  | 60%                     | 5.793.000         |

| STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp | STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp |
|-----|-------------------------|-------------------|-----|-------------------------|-------------------|
| 41  | 61%                     | 5.886.000         | 61  | 81%                     | 7.819.000         |
| 42  | 62%                     | 5.989.000         | 62  | 82%                     | 7.919.000         |
| 43  | 63%                     | 6.079.000         | 63  | 83%                     | 8.015.000         |
| 44  | 64%                     | 6.179.000         | 64  | 84%                     | 8.108.000         |
| 45  | 65%                     | 6.274.000         | 65  | 85%                     | 8.209.000         |
| 46  | 66%                     | 6.374.000         | 66  | 86%                     | 8.301.000         |
| 47  | 67%                     | 6.469.000         | 67  | 87%                     | 8.395.000         |
| 48  | 68%                     | 6.567.000         | 68  | 88%                     | 8.494.000         |
| 49  | 69%                     | 6.664.000         | 69  | 89%                     | 8.596.000         |
| 50  | 70%                     | 6.758.000         | 70  | 90%                     | 8.694.000         |
| 51  | 71%                     | 6.850.000         | 71  | 91%                     | 8.785.000         |
| 52  | 72%                     | 6.951.000         | 72  | 92%                     | 8.880.000         |
| 53  | 73%                     | 7.052.000         | 73  | 93%                     | 8.979.000         |
| 54  | 74%                     | 7.146.000         | 74  | 94%                     | 9.070.000         |
| 55  | 75%                     | 7.245.000         | 75  | 95%                     | 9.175.000         |
| 56  | 76%                     | 7.338.000         | 76  | 96%                     | 9.269.000         |
| 57  | 77%                     | 7.435.000         | 77  | 97%                     | 9.363.000         |
| 58  | 78%                     | 7.528.000         | 78  | 98%                     | 9.462.000         |
| 59  | 79%                     | 7.625.000         | 79  | 99%                     | 9.558.000         |
| 60  | 80%                     | 7.722.000         | 80  | 100%                    | 9.656.000         |





**Phụ lục III**  
**MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG**  
**ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH LOẠI B**  
(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP  
ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp | STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp |
|-----|-------------------------|-------------------|-----|-------------------------|-------------------|
| 1   | 21%                     | 1.676.000         | 21  | 41%                     | 3.256.000         |
| 2   | 22%                     | 1.756.000         | 22  | 42%                     | 3.336.000         |
| 3   | 23%                     | 1.831.000         | 23  | 43%                     | 3.416.000         |
| 4   | 24%                     | 1.914.000         | 24  | 44%                     | 3.493.000         |
| 5   | 25%                     | 1.996.000         | 25  | 45%                     | 3.568.000         |
| 6   | 26%                     | 2.070.000         | 26  | 46%                     | 3.649.000         |
| 7   | 27%                     | 2.150.000         | 27  | 47%                     | 3.720.000         |
| 8   | 28%                     | 2.225.000         | 28  | 48%                     | 3.802.000         |
| 9   | 29%                     | 2.308.000         | 29  | 49%                     | 3.879.000         |
| 10  | 30%                     | 2.388.000         | 30  | 50%                     | 3.960.000         |
| 11  | 31%                     | 2.462.000         | 31  | 51%                     | 4.040.000         |
| 12  | 32%                     | 2.544.000         | 32  | 52%                     | 4.114.000         |
| 13  | 33%                     | 2.624.000         | 33  | 53%                     | 4.197.000         |
| 14  | 34%                     | 2.705.000         | 34  | 54%                     | 4.277.000         |
| 15  | 35%                     | 2.783.000         | 35  | 55%                     | 4.430.000         |
| 16  | 36%                     | 2.858.000         | 36  | 56%                     | 4.508.000         |
| 17  | 37%                     | 2.937.000         | 37  | 57%                     | 4.593.000         |
| 18  | 38%                     | 3.019.000         | 38  | 58%                     | 4.672.000         |
| 19  | 39%                     | 3.099.000         | 39  | 59%                     | 4.747.000         |
| 20  | 40%                     | 3.174.000         | 40  | 60%                     | 4.827.000         |

| STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp | STT | Tỷ lệ tổn thương cơ thể | Mức hưởng trợ cấp |
|-----|-------------------------|-------------------|-----|-------------------------|-------------------|
| 41  | 61%                     | 4.906.000         | 61  | 81%                     | 6.485.000         |
| 42  | 62%                     | 4.984.000         | 62  | 82%                     | 6.567.000         |
| 43  | 63%                     | 5.066.000         | 63  | 83%                     | 6.641.000         |
| 44  | 64%                     | 5.141.000         | 64  | 84%                     | 6.723.000         |
| 45  | 65%                     | 5.222.000         | 65  | 85%                     | 6.807.000         |
| 46  | 66%                     | 5.304.000         | 66  | 86%                     | 6.881.000         |
| 47  | 67%                     | 5.382.000         | 67  | 87%                     | 6.962.000         |
| 48  | 68%                     | 5.456.000         | 68  | 88%                     | 7.037.000         |
| 49  | 69%                     | 5.534.000         | 69  | 89%                     | 7.122.000         |
| 50  | 70%                     | 5.616.000         | 70  | 90%                     | 7.196.000         |
| 51  | 71%                     | 5.699.000         | 71  | 91%                     | 7.275.000         |
| 52  | 72%                     | 5.775.000         | 72  | 92%                     | 7.356.000         |
| 53  | 73%                     | 5.855.000         | 73  | 93%                     | 7.435.000         |
| 54  | 74%                     | 5.932.000         | 74  | 94%                     | 7.517.000         |
| 55  | 75%                     | 6.016.000         | 75  | 95%                     | 7.593.000         |
| 56  | 76%                     | 6.092.000         | 76  | 96%                     | 7.672.000         |
| 57  | 77%                     | 6.169.000         | 77  | 97%                     | 7.748.000         |
| 58  | 78%                     | 6.245.000         | 78  | 98%                     | 7.826.000         |
| 59  | 79%                     | 6.329.000         | 79  | 99%                     | 7.908.000         |
| 60  | 80%                     | 6.411.000         | 80  | 100%                    | 7.989.000         |

**Phụ lục IV**  
**MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN**  
**ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN**  
**CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**  
*(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP*  
*ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)*

| STT | Đối tượng người có công                                                                                                                                                           | Mức trợ cấp                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 10 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14:                                                                                                             |                                 |
| 1.1 | Đại diện thân nhân                                                                                                                                                                | 31,0 lần mức chuẩn              |
| 1.2 | Đối tượng không phải thân nhân                                                                                                                                                    | 6,2 lần mức chuẩn               |
| 2   | Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14:                                                                                                             |                                 |
| 2.1 | Đại diện thân nhân                                                                                                                                                                | 15,5 lần mức chuẩn              |
| 2.2 | Đối tượng không phải thân nhân                                                                                                                                                    | 6,2 lần mức chuẩn               |
| 3   | Liệt sĩ                                                                                                                                                                           |                                 |
|     | Trợ cấp một lần đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14                                                                                      | 20,0 lần mức chuẩn              |
|     | Hỗ trợ chi phí bảo tử                                                                                                                                                             | 1,0 lần mức chuẩn               |
| 4   | Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14                                                                                                              | 20,0 lần mức chuẩn              |
| 5   | Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14                                                                                                              | 20,0 lần mức chuẩn              |
| 6   | Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14                                                                                                              | 1,5 lần mức chuẩn               |
| 7   | Đối tượng quy định tại Điều 35 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14<br>(Trợ cấp tính theo thâm niên tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc hoặc làm nghĩa vụ quốc tế) | 0,3 lần mức chuẩn/<br>thâm niên |



|    |                                                                      |                   |
|----|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 8  | Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 | 1,5 lần mức chuẩn |
| 9  | Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 38 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 | 1,5 lần mức chuẩn |
| 10 | Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 40 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 | 1,5 lần mức chuẩn |